

Số: 1284/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Nạo vét, mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Nạo vét, mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu họp ngày 10 tháng 12 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nạo vét,
mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa,
bổ sung gửi kèm văn bản số 958/UBND-QLDA ngày 05 tháng 4 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
2237/TTr-STNMT ngày 23 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Nạo vét, mở rộng hồ An Hải do Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo làm chủ
đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại huyện Côn Đảo,

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc tuân thủ theo thiết kế, phương án, biện pháp thi công, phạm vi, diện tích, độ sâu, khối lượng vật liệu đào đắp, công suất, thời gian thi công của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt, bảo đảm không để xảy ra tình trạng mất nước, bị xâm nhập mặn tại hồ An Hải. Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chủ dự án vận hành hồ chứa, xả lũ bảo đảm tuân thủ theo quy trình vận hành hồ chứa nước, phương án an toàn đập và phòng chống thiên tai được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong quá trình triển khai thực hiện dự án nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA ĐTXD huyện Côn Đảo;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(8)

KT. CHỦ TỊCH *Phạm Văn*
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh



PHỤ LỤC

Các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án
Nạo vét, mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(Kèm theo Quyết định số 1284.../QĐ-UBND ngày 12..tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nạo vét, mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa điểm thực hiện dự án: huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo.

Địa chỉ: số 28 Tôn Đức Thắng, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3830 157

Người đại diện: Lê Văn Phong Chức vụ: Chủ tịch

1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

Thực hiện đầu tư xây dựng công trình Nạo vét, mở rộng hồ An Hải trên tổng diện tích đất khoảng 24,39 ha.

(Theo Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt và điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Nạo vét, mở rộng hồ An Hải; văn bản số 2776/SNN-CCTL ngày 31/10/2019 thông báo kết quả thẩm định dự án và văn bản số 3683/SNN-CCTL ngày 07/12/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình nạo vét, mở rộng hồ An Hải, huyện Côn Đảo).

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

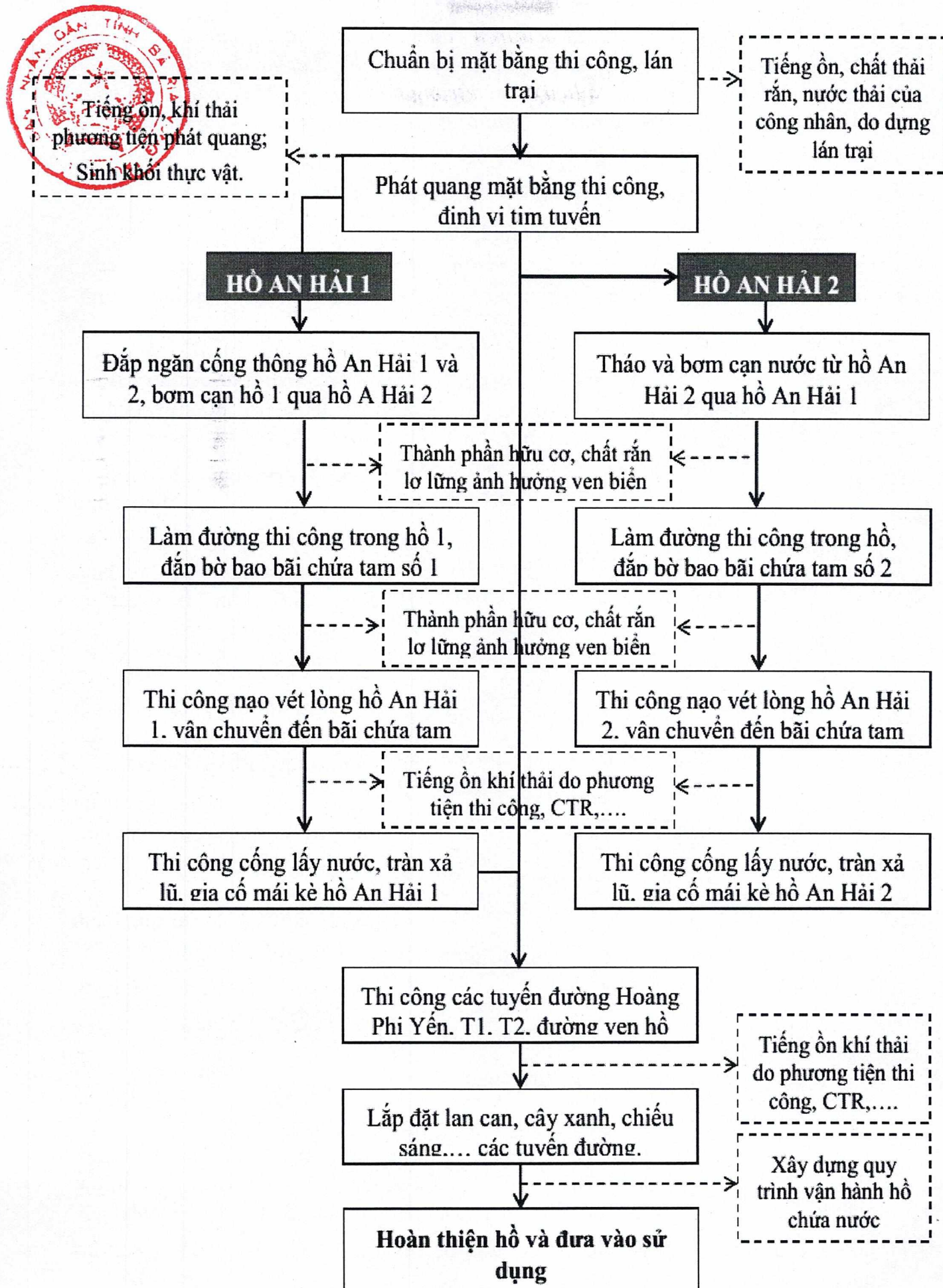
Stt	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
A. Các hạng mục công trình chính			
I	Các hạng mục công trình hiện hữu, tiếp tục sử dụng		
1	Tràn xả lũ từ hồ An Hải 2 ra biển		
	Cao trình ngưỡng	m	+2,62
	Bề rộng tràn	m	14,0

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
	Kết cấu		BTCT
II	Các hạng mục công trình đầu tư xây dựng mới		
1	Đập tràn		
1.1	Tràn xả lũ từ hồ An Hải 1 qua An Hải 2		
	Hình thức tràn	Đập tràn thực dụng. Đập tràn có mặt cắt cong bằng cách bạt các góc của mặt cắt hình thang	
	Cao trình đỉnh đập tràn	m	+3,0
	Bề rộng tràn	m	25,0
	Kết cấu		BTCT M300
1.2	Tràn xả lũ làm mới từ hồ An Hải 2 ra biển		
	Cao trình ngưỡng	m	+1,0
	Bề rộng tràn thông nước	m	5,0
	Chiều dài ngưỡng tràn	m	10,30
	Kết cấu		BTCT M300
2	Cống thu nước vào hồ An Hải 1		
	Kích thước (BxH)	m	5,0 x 4,5
	Cao trình đáy cống	m	+0,0
	Chiều dài thân cống L	m	48,00
	Kết cấu		Cống hộp BTCT M300
3	Cống thu nước vào hồ An Hải 2		
	Kích thước (BxH)	m	5,0 x 4,5
	Cao trình đáy cống	m	+0,0
	Chiều dài thân cống L	m	9,0
	Kết cấu		Cống hộp BTCT M300

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
4	Nâng cấp tuyến đường Hoàng Phi Yến		
	Chiều rộng mặt đường	m	6,0
	Chiều dài đường	m	810,0
	Cao trình mặt đường	m	4,5
	Cảnh quan hai bên đường	m	5,0
	Via hè	m	2,0
	Kết cấu	Mặt đường bê tông nhựa. Via hè lát gạch con sâu	
5	Làm mới tuyến đường ven hồ		
5.1	Tuyến đường T1		
	Chiều rộng mặt đường	m	5,5
	Chiều dài đường	m	283,77
	Cao trình mặt đường	m	4,5
	Kết cấu	Mặt đường bê tông nhựa.	
5.2	Tuyến đường T2		
	Chiều rộng mặt đường	m	5,5
	Chiều dài đường	m	157,64
	Cao trình mặt đường	m	4,5
	Kết cấu	Mặt đường bê tông nhựa.	
6	Kè bảo vệ mái bờ hồ		
	Chiều dài kè bảo vệ hồ An Hải 1	m	1.489,20
	Chiều dài kè bảo vệ hồ An Hải 2	m	1.273,30
B. Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Bãi chứa tạm vật liệu nạo vét		
1.1	Bãi chứa tạm số 1, diện tích 10.232 m²		
	Cao trình đỉnh bờ bao	m	+5,0
	Bề rộng đỉnh bờ bao	m	2
	Mái dốc	m	1:1,5
	Vật liệu		Đất đắp

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
1.2	Bãi chứa tạm số 2, diện tích 13.604 m ²		
	Cao trình đỉnh bờ bao	m	+5,0
	Bề rộng đỉnh bờ bao	m	2
	Mái dốc	m	1:1,5
	Vật liệu		Đất đắp
2	Đường thi công trong hồ		06 đường
3	Lán trại thi công dự án		Sử dụng container 20Feet
4	Hệ thống cấp điện		
C. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính			
1	Hệ thống lắng nước tại 02 bãi chứa tạm		
1.1	Tại bãi chứa tạm số 1		
	Diện tích chứa vật liệu nạo vét	m ²	8.932
	Diện tích đê bao và mương dẫn nước	m ²	750
	Diện tích hồ lắng nước	m ²	550
1.2	Tại bãi chứa tạm số 2		
	Diện tích chứa vật liệu nạo vét	m ²	12.014
	Diện tích đê bao và mương dẫn nước	m ²	880
	Diện tích hồ lắng nước	m ²	710
2	Nhà vệ sinh di động	01 Cái	Có bể phốt chứa chất thải
3	Thùng chứa rác thải sinh hoạt	02 cái	Loại 120 Lít
4	Thùng chứa rác thải nguy hại	01 cái	Loại 80 Lít
5	Thiết bị chứa dầu cặn thải, CTNH dạng lỏng	01 cái	

1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án



(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo ĐTM; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Giai đoạn	Các hoạt động	Các chất gây ô nhiễm chính
Thi công xây dựng các hạng mục của dự án	- Hoạt động nạo vét hồ An Hải 1 và An Hải 2. - Thi công xây dựng các hạng mục: đập tràn; cống thu nước; đường T1, T2; nâng cấp đường Hoàng Phi Yến và kè mái bờ hồ. - Hoạt động của máy móc, thiết bị tại công trường như máy đào, máy xúc, máy ủi, trạm nghiền sàng,.. - Hoạt động của các phương tiện cơ giới, vận chuyển và xúc bốc. - Hoạt động và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ của các phương tiện cơ giới vận chuyển. - Cán bộ, công nhân viên làm việc tại công trường.	- Bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải phát sinh từ các hoạt động máy móc, các phương tiện cơ giới,... - Nước thải, chất thải rắn từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại công trường. - Chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thi công. - Vật liệu nạo vét. - Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa tạm vật liệu nạo vét, nước rỉ từ vật liệu nạo vét. - Rủi ro, sự cố trong quá trình thi công xây dựng, nạo vét hồ.
Vận hành dự án	Hoạt động tích nước, điều tiết lũ vào mùa mưa.	- Khả năng sạt lở do quá trình mở rộng diện tích hồ. - Rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành hồ chứa.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Giai đoạn thi công dự án: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,45 m³/ngày đêm. Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Giai đoạn vận hành hồ: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ quản lý hồ khoảng 45 l/ngày.



2.2.2. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa tạm vật liệu nạo vét trong giai đoạn thi công dự án

- Diện tích khu vực bãi chứa tạm số 1 là 10.232 m², diện tích khu vực bãi chứa tạm số 2 là 13.604 m². Diện tích đất làm đường giao thông và mở rộng hồ là 8,77ha, trong đó diện tích các bãi chứa tạm vật liệu nạo vét nằm trong diện tích đất làm đường và mở rộng nên có thể tính diện tích hứng nước mưa là 8,77ha, tương đương 87.700 m² thì lượng nước mưa phát sinh trong quá trình xây dựng, chuẩn bị mặt bằng ước tính khoảng 7.992,5 m³/tháng, tương đương khoảng 266 m³/ngày và lượng nước mưa chảy tràn qua mỗi bãi chứa tạm vật liệu nạo vét khoảng 50 m³/ngày.

- Thành phần chất ô nhiễm chính bao gồm: chất rắn lơ lửng,...

2.2.3. Nước rỉ từ vật liệu nạo vét tại bãi chứa tạm trong giai đoạn thi công dự án

Lượng nước rỉ ra trong quá trình thi công nạo vét từ các bãi chứa tạm khoảng 6.650 m³/bãi chứa. Nước rỉ được thu gom, lắng lọc qua hố lắng và được trả lại hồ An Hải.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn

2.3.1. Bụi, khí thải trong quá trình thi công dự án

- Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình nạo vét, vận chuyển vật liệu nạo vét về khu vực lưu chứa, từ quá trình thi công xây dựng.

- Khí thải từ các phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công: Các phương tiện thi công cơ giới, vận chuyển và đào, xúc sẽ phát thải ra một lượng khí thải khá lớn chứa các chất ô nhiễm như bụi, SO₂, CO, THC, NO_x, VOC,...

2.3.2. Tiếng ồn, độ rung từ khu vực nạo vét, tuyến đường vận chuyển

Tiếng ồn chủ yếu tác động trực tiếp đến công nhân trên công trường. Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ các hoạt động của máy móc thi công và phương tiện vận chuyển.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công dự án: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của lượng công nhân (tối đa 35 công nhân hoạt động đồng thời mỗi ngày) phát sinh trong quá trình thi công khoảng 17,3 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành hồ: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên vận hành hồ và khách tham quan khoảng 10,5 kg/ngày.

Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt gồm: thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa; các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống; nhựa, plastic, kim loại,...

2.4.2. Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công dự án

Tổng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công khoảng 2,42 tấn/toàn bộ thời gian thi công công trình. Chất thải rắn thông thường chủ yếu là các loại phế thải rơi vãi trong quá trình xây dựng và các bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng như: đất đá, gạch, xi măng, sắt thép vụn, bao xi măng, xà bần...

2.4.3. Vật liệu nạo vét phát sinh từ quá trình nạo vét hồ

Tổng lượng vật liệu nạo vét phát sinh trong quá trình nạo vét khoảng 254.387 m³, trong đó khối lượng nạo vét hồ An Hải 1 khoảng 148.053 m³ và khối lượng nạo vét hồ An Hải 2 khoảng 106.333 m³. Đất sử dụng đắp tại dự án khoảng 89.800 m³, còn lại khối lượng vật liệu nạo vét cần vận chuyển ra khỏi khu vực dự án khoảng 164.586 m³.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công dự án

Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình thi công khoảng 1.764 lít dầu nhớt thải và 2,8 kg giẻ lau dính dầu mỡ.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giảm thiểu ô nhiễm nước thải

3.1.1. Nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn thi công dự án: Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại tạm thời và ký hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng huyện Côn Đảo để thu gom lượng nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh mang đi xử lý theo quy định theo định kỳ 2 đến 3 lần/1 tuần.

3.1.2. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa tạm vật liệu nạo vét và nước rỉ từ vật liệu nạo vét

- Đối với nước mưa chảy tràn: Đắp bờ bao xung quanh bãi chứa, tiến hành đào mương, rãnh thu gom thoát nước xung quanh bãi chứa, cụ thể:

+ Hệ thống bờ bao chắn xung quanh khu vực bãi chứa: chiều rộng đỉnh bờ bao là 2m, chiều cao 5m, mái dốc m=1,5; chiều dài khoảng 800m.

+ Hệ thống mương dẫn nước xung quanh khu vực bãi chứa tạm: chiều rộng phía trên là 0,8m; chiều rộng phía dưới là 0,5m, chiều sâu là 0,5m, chiều dài khoảng 800m.

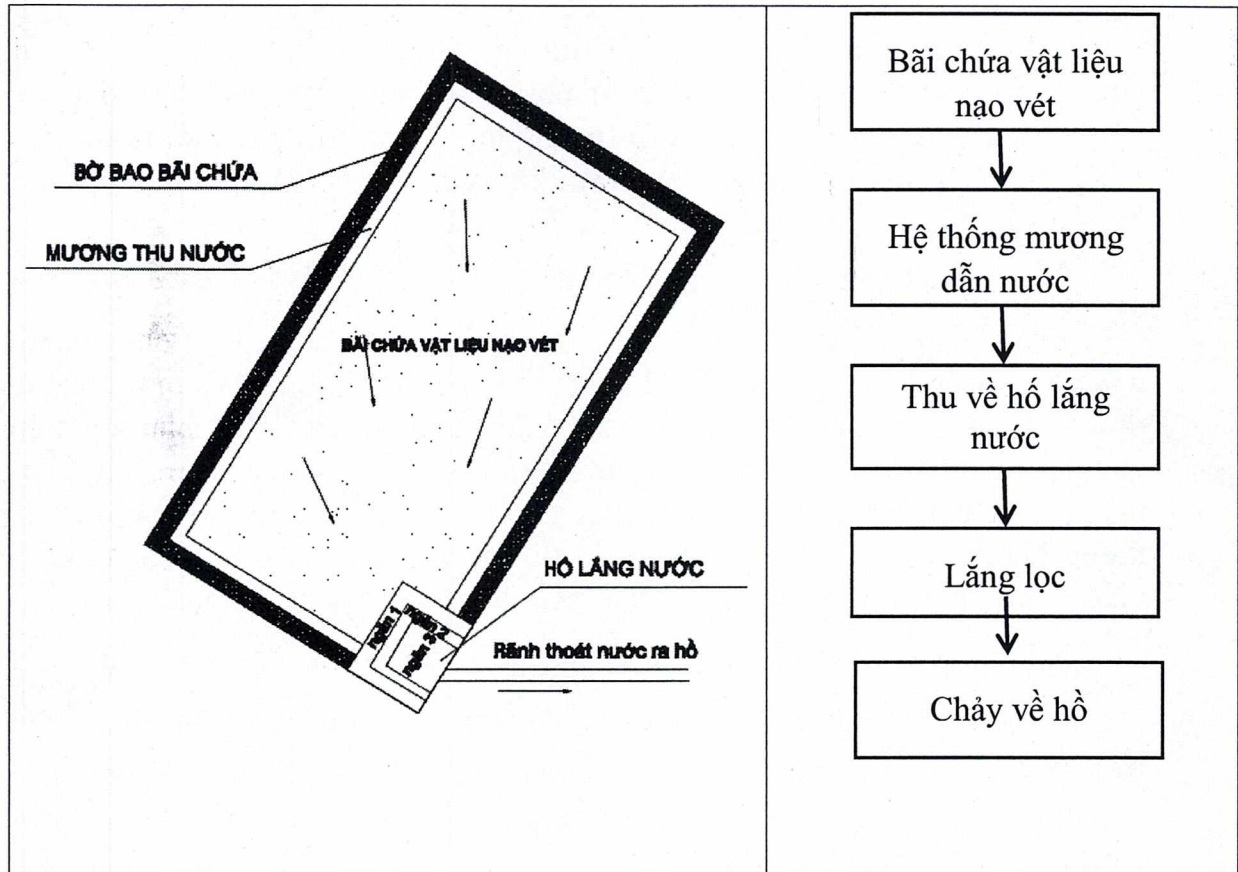
Nước từ các mương dẫn theo độ dốc địa hình chảy tập trung về hố lắng nằm trong khu vực bãi chứa, lắng lọc trước khi thoát ra hệ thống mương dẫn về hồ chứa An Hải 1 (đối với bãi chứa số 2) và hồ An Hải 2 (đối với bãi chứa số 1).

- Đối với nước thải (nước rỉ vật liệu nạo vét) từ quá trình róc nước:

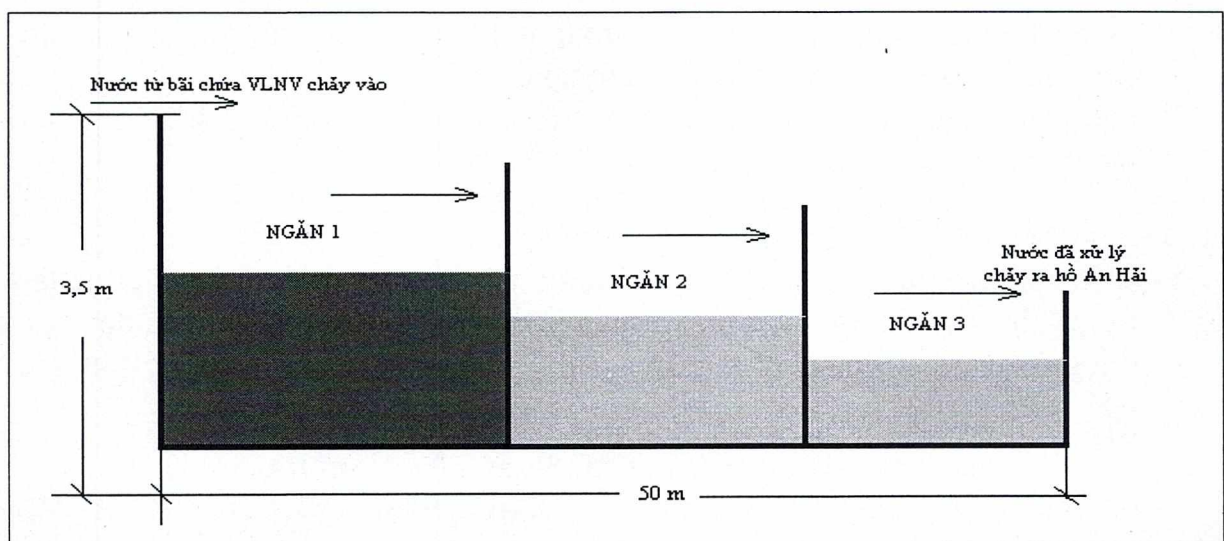
+ Đắp bờ bao và đào mương dẫn nước xung quanh bãi chứa nhằm thu gom toàn bộ nước rỉ ra từ vật liệu nạo vét về hố lắng nằm trong khu vực bãi chứa,

ngay sát bờ hồ để lắng lọc các chất lơ lững sau đó chảy ra hồ theo mương dẫn nước.

+ Hồ lắng nước bãi chứa tạm số 1 có diện tích 710 m², hồ lắng tại bãi chứa số 2 có diện tích 550 m². Chiều sâu trung bình hồ lắng khoảng 3,5m, hồ được thiết kế 3 ngăn để đảm bảo nguồn nước thoát ra ngoài môi trường đã được trong, sạch.



Hướng thoát nước và sơ đồ thoát nước bãi chứa tạm vật liệu san lấp



Hồ lắng xử lý nước tại bãi chứa tạm vật liệu nạo vét

3.1.3. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến tầng nước ngầm do hoạt động thi công nạo vét, tháo nước hồ An Hải

- Tuân thủ nghiêm các biện pháp thi công đã được phê duyệt.
- Thực hiện các giải pháp thu gom nước mưa chảy tràn qua bãi chứa tạm, nước rỉ bùn từ vật liệu nạo vét tại bãi chứa tạm, lắng lọc trước khi thoát ra hồ, giảm thiểu tác động đến tầng nước ngầm từ khu vực này.

3.1.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ hoạt động nạo vét, bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường khu vực dự án và lân cận.

3.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải

Thực hiện các biện pháp: Trang bị các bạt che phủ xe vận chuyển vật liệu nạo vét, đất nạo vét; Các thiết bị máy móc xây dựng sẽ được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo điều kiện vận hành tối ưu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra khỏi công trình đều phải được rửa sạch để không mang theo đất cát ra khỏi công trình và gây ô nhiễm bụi cho các đường giao thông cũng như gây mất mỹ quan đô thị; Thường xuyên phun xịt nước đường giao thông, bãi chứa tạm vật liệu nạo vét nhằm tránh phát tán bụi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

3.3.1. Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công dự án

Phân loại và sử dụng các thùng chứa có dung tích phù hợp để lưu chứa; Ký hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng huyện Côn Đảo để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.3.2. Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công dự án

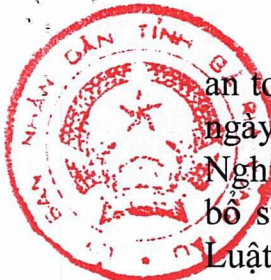
Thu gom, lưu chứa tại bãi chứa tạm, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý và vận chuyển đúng quy định; Hạn chế các phế thải trong thi công; Tận dụng các phế liệu là chất trơ, không gây độc như đất cát dư...để san lấp mặt bằng làm đường giao thông...

3.3.3. Đối với vật liệu nạo vét

Vật liệu nạo vét hồ An Hải sẽ được tập kết tạm thời tại 2 bãi chứa tạm nằm trong khu vực dự án. Sau đó, vật liệu nạo vét sẽ được vận chuyển đến bãi đổ đã được UBND huyện Côn Đảo chấp thuận tại văn bản số 261/UBND- TNMT ngày 04/02/2020.

Kết thúc thời gian thi công, Chủ dự án phải hoàn trả lại hiện trạng ban đầu 02 khu vực lưu chứa tạm vật liệu nạo vét trong khu vực dự án.

3.3.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về



an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại trong quá trình thi công dự án

3.4.1. Biện pháp thực hiện: Hạn chế việc sửa chữa máy móc tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố); Trang bị các loại thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực công trường; Thu gom toàn bộ lượng dầu mỡ thải và giặt lau vào các thùng chứa riêng biệt đặt trong khu vực có mái che; Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý sau khi công trình hoàn thiện.

3.4.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Không chế ô nhiễm do tiếng ồn, rung trong quá trình thi công dự án

Thực hiện bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công; không thực hiện các công việc gây rung động và tiếng ồn lớn vào các giờ nhạy cảm như: đầu giờ sáng, giờ trưa và tối; Trang bị đồ bảo hộ lao động, khẩu trang bịt mũi-miệng, nút tai chống ồn,...cho người lao động.

3.6. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên của hồ khi tiến hành nạo vét và thi công các hạng mục công trình

- Thực hiện dự án tuân thủ theo đúng kế hoạch, giải pháp thi công, quy trình nạo vét đã được duyệt;

- Không để rò rỉ, rơi vãi dầu nhớt xuống mặt nước, xuống đáy hồ trong suốt quá trình nạo vét, thi công công trình;

- Đắp lại lớp vật liệu nạo vét thấm yếu đáy hồ hiện trạng sau khi nạo vét xong để giữ lại 1 phần hệ thủy sinh, động thực vật đáy để thích nghi phát triển sau khi hồ đưa vào tích nước;

- Nghiên cứu trồng lại diện tích nhỏ sen, sung ở mỗi hồ để nhân giống tạo cảnh quan thiên nhiên tại hồ An Hải 1 và hồ An Hải 2.

3.7. Biện pháp dọn dẹp mặt bằng khu nhà kho, lán trại, ban chỉ huy công trường, cải tạo mặt bằng bãi chứa tạm.

Thu dọn vệ sinh toàn bộ mặt bằng: Dỡ bỏ nhà cửa, lán trại, san lấp trả lại mặt bằng ở các khu lán trại, đường thi công tạm.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

3.8.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố do vỡ cống ngăn giữa 02 hồ khi xả nước của hồ An Hải và phương pháp cân bằng nước

- Thực hiện thi công việc đắp ngăn công thông nước giữa 02 hồ theo đúng thiết kế, đảm bảo tính an toàn cho quá trình thi công;

- Liên tục theo dõi cống thông nước giữa 02 hồ để phát hiện các nguy cơ có thể xảy ra sự cố để có biện pháp ứng phó kịp thời để không xảy ra dẫn đến các ảnh hưởng lớn đến việc thi công các hạng mục công trình.

- Đơn vị thi công sẽ bố trí 01 bơm dự phòng để bơm xả nước mặt ra biển trong trường hợp theo dõi phát hiện khả năng có thể xảy ra sự cố do mất cân bằng nước giữa 02 hồ.

3.8.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố sạt lở, xói mòn đường xung quanh bờ hồ trong quá trình thi công

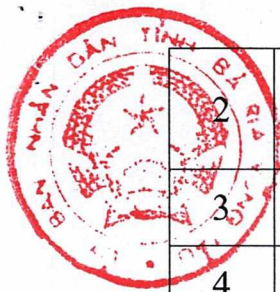
- Nạo vét đúng quy trình, biện pháp thi công đã được duyệt (Nạo vét, mở rộng đúng cao độ thiết kế, ranh giới và đúng hệ số mái dốc bờ hồ). Tuân thủ đúng phương án thi công và thời gian, lịch trình được phê duyệt khi thi công công trình.

- Thực hiện giám sát thường xuyên trong quá trình thi công để điều chỉnh kịp thời về tiến độ, tốc độ và khối lượng nạo vét phù hợp trong tổng thể việc thi công các hạng mục khác của công trình.

3.8.3 Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố (cháy nổ, rò rỉ/tràn xăng dầu,...) theo đúng các quy định liên quan.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng
1	Hệ thống lắng nước tại 02 bãi chứa tạm		
1.1	Tại bãi chứa tạm số 1		
	Diện tích chứa vật liệu nạo vét	m ²	8.932
	Diện tích đê bao và mương dẫn nước	m ²	750
	Diện tích hồ lắng nước	m ²	550
1.2	Tại bãi chứa tạm số 2		
	Diện tích chứa vật liệu nạo vét	m ²	12.014
	Diện tích đê bao và mương dẫn nước	m ²	880
	Diện tích hồ lắng nước	m ²	710



2	Nhà vệ sinh di động	01 Cái	có bể phốt chứa chất thải
3	Thùng chứa rác thải sinh hoạt	02 cái	Loại 120 Lít
4	Thùng chứa rác thải nguy hại	01 cái	Loại 80 Lít
5	Thiết bị chứa dầu cặn thải, CTNH dạng lỏng	01 cái	

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1 Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước mặt trên kênh dẫn dòng trước khi chảy ra biển.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, Clorua, TSS, Amoni, tổng dầu mỡ, Nitrat, Photphat, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT, cột A- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.

5.1.2. Giám sát không khí xung quanh.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại đầu hồ An Hải 1 (khu vực gần đường Lý Thường Kiệt), 01 mẫu tại giữa 02 hồ (đường Hoàng Phi Yến), 01 mẫu tại cuối hồ An Hải 2 (khu vực đường đi Bến Đầm).
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.

5.1.3. Giám sát nước dưới đất

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nhà dân cách ranh giới dự án 200m về phía Miếu Bà Phi Yến.
- Thông số giám sát: Mực nước, pH, độ cứng, Cl⁻, NO₃⁻, NO₂⁻, SO₄²⁻, Fe, Coliform, E. Coli.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2015/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.

5.1.4. Giám sát nước biển ven bờ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực tiếp nhận nước xả cặn của hồ An Hải 2 ra biển.

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, Florua (F⁻), Tổng dầu mỡ khoáng và Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2015/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 02 tháng/lần.

5.1.5. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: lượng thải, thành phần.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.1.7. Giám sát khác

Thực hiện hoạt động giám sát theo các yêu cầu về quan trắc, giám sát, kiểm tra đối với hồ chứa và các nội dung khác theo quy định pháp luật về thủy lợi, tài nguyên nước...

5.2. Giai đoạn hoạt động

Thực hiện hoạt động giám sát theo các yêu cầu về quan trắc, giám sát, kiểm tra đối với hồ chứa và các nội dung khác theo quy định pháp luật về thủy lợi, tài nguyên nước...

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Chịu trách nhiệm về các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện phải thông báo tiến độ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi; nếu phát hiện các vấn đề gây ảnh hưởng tiêu cực, Chủ dự án phải dừng thực hiện dự án, thông báo về các cơ quan nêu trên để được hướng dẫn thực hiện.

6.4. Chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện dự án, phải bảo đảm thực hiện thi công theo đúng thiết kế, phương án, biện pháp kỹ thuật, phạm vi, diện tích, độ sâu, khối lượng vật liệu đào đắp, công suất, thời gian,... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt, bảo



đảm không để xảy ra tình trạng mất nước, bị xâm nhập mặn tại hồ An Hải. Thực hiện vận hành hồ chứa, xả lũ phải bảo đảm tuân thủ theo quy trình vận hành hồ chứa nước, phương án an toàn đập và phòng chống thiên tai được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6.5. Thường xuyên giám sát, kiểm soát triệt để hoạt động của dự án, thực hiện đầy đủ các biện pháp khả thi nhằm bảo đảm hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến chất lượng nước hồ An Hải, hồ Quang Trung, an toàn các hạng mục công trình của dự án và xung quanh, dân cư khu vực dự án và trên tuyến đường vận chuyển; thường xuyên tưới nước nhằm giảm thiểu bụi ở các khu vực phát sinh bụi.

6.6. Thực hiện vận chuyển, đổ vật liệu nạo vét phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành và phương án, vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Thực hiện quản lý/sử dụng vật liệu nạo vét bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

6.7. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.8. Lập kế hoạch, phương án cần thiết và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống, ứng phó sự cố nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khi thi công và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của dự án và sau khi dự án kết thúc. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.9. Thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật về tài nguyên nước, hành lang bảo vệ hồ chứa nước, quy trình vận hành hồ chứa nước và các quy định có liên quan đối với việc khai thác và sử dụng nước tại hồ An Hải.

6.10. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

6.12. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.